

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
VỐN CTMTQG**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
	TỔNG SỐ	1.722.530	1.649.686	72.844
A	UBND huyện Mèo Vạc	169.723	162.601	7.122
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	116.860	111.300	5.560
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.250	5.000	250
2	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	71.500	68.100	3.400
3	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HĐ, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	26.250	25.000	1.250
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.260	1.200	60
5	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	12.600	12.000	600
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	51.550	50.050	1.500
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	51.550	50.050	1.500
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1.313	1.251	62
B	UBND huyện Đồng Văn	190.863	182.951	7.912
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	124.950	119.000	5.950
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	6.090	5.800	290
2	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	82.000	78.100	3.900
3	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HĐ, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	21.000	20.000	1.000
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	3.780	3.600	180
5	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	12.080	11.500	580
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	64.600	62.700	1.900
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	64.600	62.700	1.900
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1.313	1.251	62
C	UBND huyện Yên Minh	169.126	162.172	6.954
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	111.296	106.072	5.224
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.746	5.472	274
2	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	81.500	77.600	3.900

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
3	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PT DTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	15.750	15.000	750
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.100	2.000	100
5	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	6.200	6.000	200
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	55.100	53.500	1.600
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	55.100	53.500	1.600
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.730	2.600	130
D	UBND huyện Quản Bạ	180.667	173.843	6.824
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	93.263	89.021	4.242
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.990	3.800	190
2	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	66.350	63.200	3.150
3	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	17.850	17.000	850
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	615	585	30
5	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	4.458	4.436	22
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	85.334	82.852	2.482
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	55.100	53.500	1.600
2	Tiểu dự án 2 - Dự án 1: Triển khai Đề án hỗ trợ huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	30.234	29.352	882
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.070	1.970	100
Đ	UBND huyện Bắc Mê	195.749	187.527	8.222
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	109.095	103.435	5.660
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.890	3.700	190
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	5.250	5.000	250
3	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	73.000	69.500	3.500
4	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PT DTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	23.100	22.000	1.100
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.100	2.000	100
6	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	1.755	1.235	520
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	84.584	82.122	2.462
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	55.000	53.400	1.600
	Tiểu dự án 2 - Dự án 1: Triển khai Đề án hỗ trợ huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	29.584	28.722	862

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.070	1.970	100
E	UBND huyện Xín Mần	159.010	152.270	6.740
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	113.290	107.900	5.390
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.770	5.500	270
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	31.500	30.000	1.500
3	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	48.400	46.100	2.300
4	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PT DTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	15.750	15.000	750
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.370	1.300	70
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10.500	10.000	500
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	43.650	42.400	1.250
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	43.650	42.400	1.250
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.070	1.970	100
F	UBND huyện Hoàng Su Phì	201.390	193.320	8.070
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	121.320	115.600	5.720
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	6.300	6.000	300
2	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	83.000	79.100	3.900
3	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PT DTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	15.750	15.000	750
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.570	1.500	70
5	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	14.700	14.000	700
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	78.000	75.750	2.250
1	Tiểu Dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	78.000	75.750	2.250
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.070	1.970	100
1	Thực hiện xây dựng nông thôn mới	2.070	1.970	100
2	Thực hiện Chương trình OCOP	2.100	2.000	100
G	UBND huyện Vị Xuyên	129.807	123.627	6.180
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	123.685	117.799	5.886
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	6.227	5.931	296
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	17.850	17.000	850

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
3	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	71.500	68.100	3.400
4	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	21.000	20.000	1.000
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	989	939	50
6	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	6.119	5.829	290
II	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	6.122	5.828	294
H	UBND huyện Bắc Quang	127.301	121.203	6.098
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	91.301	86.913	4.388
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.987	3.797	190
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	8.400	8.000	400
3	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	52.128	49.600	2.528
4	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	8.416	8.016	400
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.620	2.500	120
6	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	15.750	15.000	750
II	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	36.000	34.290	1.710
J	UBND huyện Quang Bình	156.284	149.006	7.278
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	124.284	118.526	5.758
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.150	3.000	150
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	21.000	20.000	1.000
3	Tiểu dự án 1 Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	54.750	52.150	2.600
4	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	12.600	12.000	600
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.446	1.376	70
6	Tiểu Dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	31.338	30.000	1.338
II	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	32.000	30.480	1.520
K	UBND Thành phố Hà Giang	5.204	4.954	250
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	3.134	2.984	150
1	Tiểu Dự án 1 Dự án 5: Đổi mới HD, củng cố PT các trường PTDTNT, PTDTBT, có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	3.134	2.984	150
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.070	1.970	100
L	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	10.800	10.500	300
1	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang)	10.800	10.500	300

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
M	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	22.931	22.212	719
1	Tiêu dự án 1 - Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Dân tộc nội trú - Giáo dục thường xuyên Bắc Quang)	17.000	16.500	500
2	Tiêu dự án 3 - Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững (Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu)	5.931	5.712	219
O	Ban Dân tộc tỉnh	3.675	3.500	175
1	Tiêu Dự án 2 Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.675	3.500	175
-	Xây dựng cổng thông tin thành phần Chương trình	1.575	1.500	75
-	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về công tác dân tộc, dữ liệu trong quản lý tổ chức, tổng hợp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Hà Giang	2.100	2.000	100

